

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kế hoạch và dự toán chi tiết các đoàn công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình 135 và chính sách dân tộc năm 2018

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC

Căn cứ Nghị định số 13/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-UBDT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2018 cho Văn phòng Ủy ban;

Căn cứ Quyết định số 64/QĐ-UBDT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc giao thực hiện nhiệm vụ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc năm 2018;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch và dự toán chi tiết các đoàn công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình 135 và chính sách dân tộc năm 2018. (Kế hoạch và dự toán chi tiết kèm theo).

Điều 2. Căn cứ Kế hoạch, dự toán các đoàn công tác được duyệt, Thủ trưởng các Vụ, đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng các Vụ liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm UBDT;
- Công TTĐT UBDT;
- Lưu: VT, KHTC (5). 15

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM



Đỗ Văn Chiến



ỦY BAN DÂN TỘC

DANH SÁCH

Các đoàn công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình 135 và chính sách dân tộc năm 2018

(Kèm theo Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

Đơn vị : 1.000 đồng

STT	Đoàn công tác	Vụ thực hiện	Nội dung thực hiện	Vụ, đơn vị phối hợp thực hiện	Thời gian	Số ngày công tác	Số người tham gia	Phương tiện đi lại	Kinh phí thực hiện	Ghi chú
1	2		3		4	5	6	7	8	9
1	Đoàn Lào Cai - Yên Bái	Vụ Pháp chế	- Kiểm tra, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (Chương trình 135); - Kiểm tra, đánh giá tình hình thi hành chính sách, pháp luật có liên quan về công tác bảo vệ và phát triển rừng gắn với phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số và miền núi (theo Quyết định 817/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban Dân tộc)	Vụ Địa phương I Văn phòng ĐPCT 135	Quý III	7	8	Ô tô	48.600	
2	Đoàn Cao Bằng - Bắc Kạn	Vụ Tổng hợp	- Nắm tình hình kết quả thực hiện các chính sách dân tộc trên địa bàn; thực trạng đời sống và các vấn đề liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số tại địa phương; - Kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình 135 năm 2018 trên địa bàn; thực trạng đời sống và các vấn đề liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số tại địa phương	Vụ Địa phương I Văn phòng ĐPCT 135	Tháng 9	6	8	Ô tô	44.350	
3	Đoàn Điện Biên - Lai Châu	Vụ Địa phương I	- Đánh giá tình hình thực hiện Chương trình 135 năm 2017 và 6 tháng đầu năm 2018 những khó khăn, thuận lợi, công tác chỉ đạo điều hành của tỉnh, huyện, xã trong việc tổ chức thực hiện Chương trình; cụ thể hoá các hướng dẫn của Trung ương và quyết định, hướng dẫn của địa phương;	Văn phòng ĐPCT 135	Tháng 8	7	7	Ô tô	45.900	
4	Đoàn Hà Giang	Vụ Địa phương I	- Nắm tình hình phát triển kinh tế, xã hội, an ninh trật tự và các chính sách dân tộc triển khai thực hiện trong năm 2018;	Văn phòng ĐPCT 135	Tháng 8	5	7	Ô tô	36.900	
5	Đoàn Quảng Trị và Thừa thiên - Huế	Vụ Địa phương I		Văn phòng ĐPCT 135	Tháng 7	7	7	Ô tô	49.900	
6	Đoàn Quảng Ninh	Vụ Chính sách Dân tộc	- Kiểm tra, khảo sát tình hình thực hiện Chương trình 135 và các chính sách dân tộc phục vụ tổ chức Hội thảo Thực trạng chính sách dân tộc, định hướng chính sách dân tộc giai đoạn 2021-2025.	Văn phòng ĐPCT 135	Tháng 5 - Tháng 7	5	4	Ô tô	17.600	
7	Đoàn Quảng Nam	Vụ Chính sách Dân tộc				5	3	Máy bay, ô tô	39.200	
8	Đoàn Gia Lai - Kon Tum	Vụ Chính sách Dân tộc				6	5	Máy bay, ô tô	35.050	
9	Đoàn Sóc Trăng	Vụ Chính sách Dân tộc				5	6	Máy bay, ô tô	44.400	

Handwritten signature

STT	Đoàn công tác	Vụ thực hiện	Nội dung thực hiện	Vụ, đơn vị phối hợp thực hiện	Thời gian	Số ngày công tác	Số người tham gia	Phương tiện đi lại	Kinh phí thực hiện	Ghi chú
1	2		3		4	5	6	7	8	9
10	Đoàn Sóc Trăng- Trà Vinh - Kiên Giang - An Giang	Vụ Chính sách Dân tộc	Kinh phí thực hiện khảo sát xây dựng Đề án " Chính sách ưu đãi nhằm phát triển kinh tế - xã hội cho vùng đồng bào DTTS Khmer, đảo tạo bồi dưỡng cán bộ DTTS Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long".	Văn phòng ĐPCT 135		10	7	Máy bay, ô tô	71.350	
11	Đoàn Phú Yên - Khánh Hòa	Vụ Kế hoạch - Tài chính	- Kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình 135 năm 2018 trên địa bàn, - Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện chiến lược công tác dân tộc năm 2018; đánh giá việc thực hiện chiến lược công tác dân tộc đến năm 2018 và chế độ báo cáo thống kê công tác dân tộc sửa đổi, nội dung chi tiêu thống kê đưa vào điều tra thực trạng kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số năm 2019.	Văn phòng ĐPCT 135	Tháng 6 - Tháng 7	6	7	Máy bay, ô tô	95.900	
12	Đoàn Cần Thơ - Hậu Giang	Vụ Kế hoạch - Tài chính	- Kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình 135 năm 2018 trên địa bàn 04 tỉnh; kết quả thực hiện các nội dung đầu tư, hỗ trợ, tình hình giải ngân, những khó khăn, vướng mắc cần giải quyết.	Văn phòng ĐPCT 135	Tháng 6 - Tháng 7	6	7	Máy bay, ô tô	92.400	
13	Đoàn Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu	Văn phòng Ủy ban	- Năm tình hình kết quả thực hiện các chính sách dân tộc trên địa bàn; thực trạng đời sống và các vấn đề liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số tại địa phương; - Kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình 135 năm 2018 trên địa bàn 04 tỉnh; kết quả thực hiện các nội dung đầu tư, hỗ trợ, tình hình giải ngân, những khó khăn, vướng mắc cần giải quyết.	Văn phòng ĐPCT 135 Văn phòng Đại diện tại TP HCM	Tháng 8	7	7	Máy bay, Ô tô	79.900	
14	Đoàn Tây Ninh, Long An	Văn phòng Ủy ban	- Năm tình hình kết quả thực hiện các chính sách dân tộc trên địa bàn; thực trạng đời sống và các vấn đề liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số tại địa phương;		Tháng 9	7	7	Máy bay, Ô tô	79.900	
15	Đoàn Quảng Ngãi - Bình Định	Vụ Địa phương II	- Kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình 135 năm 2018 trên địa bàn; thực trạng đời sống và các vấn đề liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số tại địa phương			7	5	Máy bay, Ô tô	48.400	
16	Đoàn Gia Lai - Kon Tum	Vụ Địa phương II	- Kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình 135 năm 2018 trên địa bàn; thực trạng đời sống và các vấn đề liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số tại địa phương			7	5	Máy bay, Ô tô	40.400	
17	Đoàn Sóc Trăng - Cà Mau	Vụ Địa phương III							45.000	Thực hiện theo Quyết định số 36/QĐ-UBDT ngày 28/01/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm
18	Đoàn Trà Vinh - Kiên Giang	Vụ Địa phương III	'- Kiểm tra, theo dõi, nắm tình hình kinh tế - xã hội, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội;							
19	Đoàn Sóc Trăng - Bạc Liêu	Vụ Địa phương III	'- Kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình 135 năm 2018 trên địa bàn; thực trạng đời sống và các vấn đề liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số tại địa phương			7	5	Máy bay, Ô tô	42.400	
20	Đoàn Đồng Tháp - Hậu Giang	Vụ Địa phương III				7	5	Máy bay, Ô tô	40.400	

STT	Đoàn công tác	Vụ thực hiện	Nội dung thực hiện	Vụ, đơn vị phối hợp thực hiện	Thời gian	Số ngày công tác	Số người tham gia	Phương tiện đi lại	Kinh phí thực hiện	Ghi chú
1	2		3		4	5	6	7	8	9
21	Đoàn Ninh Thuận, Bình Thuận	Bộ trưởng, Chủ nhiệm chủ trì		Văn phòng ĐPCT 135 Văn phòng Ủy ban		7	7	Máy bay, Ô tô	86.400	
22	Các đoàn theo chương trình làm việc của BCD TW các CTMTQG tại Hà Giang và Tuyên Quang	Bộ trưởng, Chủ nhiệm/ Lãnh đạo UB chủ trì		Văn phòng ĐPCT 135 Văn phòng Ủy ban Vu Địa phương I					115.650	
Tổng cộng:									1.200.000	

ĐD

DỰ TOÁN CHI TIẾT

Các đoàn kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình 135 và chính sách dân tộc năm 2018 của Ủy ban Dân tộc

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Vụ thực hiện	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Thành tiền	Ghi chú
1		2	3	4	5	6 = 4*5	7
I	Vụ Pháp chế	Đoàn Yên Bái - Lào Cai				48.600	
		Xăng xe (02 xe): - Hà Nội - Yên Bái - Lào Cai và ngược lại (700 km) - Lào Cai - đi huyện, xã và ngược lại (400 km) - Yên Bái - đi huyện xã và ngược lại (500 km) - Nội huyện, tỉnh: 300 km - Tổng 01 xe: 1900 km - Tổng 02 xe: 3800 km	Lít	760	20	15.200	Thanh toán thực tế
		Vé cầu đường và lưu trú xe				1.500	Thanh toán thực tế
		Tiền ngủ cho Lãnh đạo Ủy ban	Đêm	6	1.000	6.000	Khoán
		Tiền ngủ thành viên đoàn (7 người x 6 đêm)	Người/đêm	42	350	14.700	Khoán
		Công tác phí (8 người x 7 ngày)	Người/ngày	56	200	11.200	Công lệnh
II	Vụ Tổng hợp	Đoàn Cao Bằng - Bắc Kạn				44.350	
		Xăng xe (02 xe):	Lít	800	20	16.000	Thanh toán thực tế
		Vé cầu đường và lưu trú xe				1.500	Thanh toán thực tế
		Tiền ngủ cho Lãnh đạo Ủy ban	Đêm	5	1.000	5.000	Khoán
		Tiền ngủ thành viên đoàn (7 người x 5 đêm)	Người/đêm	35	350	12.250	Khoán
		Công tác phí (8 người x 6 ngày)	Người/ngày	48	200	9.600	Công lệnh
III	Vụ Địa phương I					132.700	
		1. Đoàn Điện Biên - Lai Châu				45.900	
		Xăng xe (02 xe):	Lít	800	20	16.000	Thanh toán thực tế
		Vé cầu đường và lưu trú xe				1.500	Thanh toán thực tế
		Tiền ngủ cho Lãnh đạo Ủy ban	Đêm	6	1.000	6.000	Khoán
		Tiền ngủ thành viên đoàn (6 người x 6 đêm)	Người/đêm	36	350	12.600	Khoán
		Công tác phí (7 người x 7 ngày)	Người/ngày	49	200	9.800	Công lệnh
		2. Đoàn Hà Giang				36.900	
		Xăng xe (02 xe):	Lít	800	20	16.000	Thanh toán thực tế
		Vé cầu đường và lưu trú xe				1.500	Thanh toán thực tế
		Tiền ngủ cho Lãnh đạo Ủy ban	Đêm	4	1.000	4.000	Khoán
		Tiền ngủ thành viên đoàn (6 người x 4 đêm)	Người/đêm	24	350	8.400	Khoán
		Công tác phí (7 người x 5 ngày)	Người/ngày	35	200	7.000	Công lệnh
		3. Đoàn Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế				49.900	
		Xăng xe (02 xe):	Lít	1000	20	20.000	Thanh toán thực tế
		Vé cầu đường và lưu trú xe				1.500	Thanh toán thực tế
		Tiền ngủ cho Lãnh đạo Ủy ban	Đêm	6	1.000	6.000	Khoán

		Tiền ngủ thành viên đoàn (6 người x 6 đêm)	Người/đêm	36	350	12.600	Khoán
		Công tác phí (7 người x 7 ngày)	Người/ngày	49	200	9.800	Công lệnh
IV	Vụ Chính sách Dân tộc					207.600	
		1. Đoàn Quảng Ninh				17.600	
		Xăng xe (01 xe):	Lít	350	20	7.000	Thanh toán thực tế
		Vé cầu đường và lưu trú xe				1.000	Thanh toán thực tế
		Tiền ngủ thành viên đoàn (4 người x 4 đêm)	Người/đêm	16	350	5.600	Khoán
		Công tác phí (4 người x 5 ngày)	Người/ngày	20	200	4.000	Công lệnh
		2. Đoàn Quảng Nam				39.200	
		Vé máy bay Hà Nội - Đà Nẵng	Vé	3	6500	19.500	
		Thuê xe công tác	ngày	5	2500	12.500	
		Công tác phí (3 người x 5 ngày)	Người/đêm	15	200	3.000	
		Tiền ngủ thành viên đoàn (3 người x 4 đêm)	Người/ngày	12	350	4.200	
		3. Đoàn Gia Lai, Kon Tum				35.050	
		Vé máy bay Hà Nội - Pleiku	Vé	3	6500	19.500	
		Vé xe đi công tác của 02 cán bộ Vụ Địa phương II	vé	4	200	800	
		Công tác phí (5 người x 6 ngày)	Người/đêm	30	200	6.000	
		Tiền ngủ thành viên đoàn (5 người x 5 đêm)	Người/ngày	25	350	8.750	
		4. Đoàn Sóc Trăng				44.400	
		Vé máy bay Hà Nội - Cần Thơ	Vé	3	7.000	21.000	
		Xăng xe (01 xe):	Lít	400	20	8.000	Thanh toán thực tế
		Vé cầu đường và lưu trú xe				1.000	Thanh toán thực tế
		Tiền ngủ thành viên đoàn (6 người x 4 đêm)	Người/đêm	24	350	8.400	Khoán
		Công tác phí (6 người x 5 ngày)	Người/ngày	30	200	6.000	Công lệnh
		5. Đoàn Sóc Trăng, Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang				71.350	Kinh phí thực hiện khảo sát xây dựng Đề án " Chính sách ưu đãi nhằm phát triển kinh tế xã hội cho vùng đồng bào DTTS Khmer, đào tạo bồi dưỡng cán bộ DTTS Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long".
		Tiền ngủ thành viên đoàn (7 người x 9 đêm)	Người/đêm	63	350	22.050	
		Công tác phí (7 người x 10 ngày)	Người/ngày	70	200	14.000	
		Tiền xăng xe		640	20	12.800	
		Vé cầu đường, lưu trú xe		1	1.500	1.500	
		Vé máy bay khứ hồi Hà Nội - Cần Thơ		3	7.000	21.000	
V	Vụ Kế hoạch - Tài chính					188.300	
		1. Đoàn Cần Thơ, Hậu Giang				95.900	

		Công tác phí (7 người x 6 ngày)	Ngày	42	200	8.400	TT 40/2017
		Tiền ngủ Lãnh đạo Ủy ban	Đêm	5	1.200	6.000	
		Tiền ngủ (3 phòng x 5 đêm)	Đêm	15	1.000	15.000	Hóa đơn
		Vé máy bay lãnh đạo Ủy ban	Vé	1	9.500	9.500	
		Vé máy bay	vé	6	7.000	42.000	Thực tế
		Thuê xe	ngày	6	2.500	15.000	
		2. Đoàn Phú Yên, Khánh Hòa				92.400	
		Công tác phí (7 người x 6 ngày)	Ngày	42	200	8.400	TT 40/2017
		Tiền phòng ngủ Lãnh đạo Ủy ban	Đêm	5	1.200	6.000	
		Tiền ngủ (3 phòng x 5 đêm)	Đêm	15	1.000	15.000	Hóa đơn
		Vé máy bay Lãnh đạo Ủy ban	Vé	1	9.000	9.000	
		Vé máy bay	vé	6	6.500	39.000	
		Thuê xe	ngày	6	2.500	15.000	Thực tế
VI	Văn phòng Ủy ban					159.800	
		1. Đoàn Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu				79.900	
		Xăng xe (01 xe):	Lít	500	20	10.000	Thanh toán thực tế
		Vé cầu đường và lưu trú xe				1.500	Thanh toán thực tế
		Thuê 01 xe ô tô đi công tác	ngày	7	2.500	17.500	
		Vé máy bay của Lãnh đạo Ủy ban	Vé	1	9.500	9.500	
		Vé máy bay Hà Nội - TP Hồ Chí Minh	Vé	2	6.500	13.000	
		Tiền ngủ cho Lãnh đạo Ủy ban	Đêm	6	1.000	6.000	Khoán
		Tiền ngủ thành viên đoàn (6 người x 6 đêm)	Người/đêm	36	350	12.600	Khoán
		Công tác phí (7 người x 7 ngày)	Người/ngày	49	200	9.800	Công lệnh
		2. Đoàn Tây Ninh - Long An				79.900	
		Xăng xe (01 xe):	Lít	500	20	10.000	Thanh toán thực tế
		Vé cầu đường và lưu trú xe				1.500	Thanh toán thực tế
		Thuê 01 xe ô tô đi công tác	ngày	7	2.500	17.500	
		Vé máy bay của Lãnh đạo Ủy ban	Vé	1	9.500	9.500	
		Vé máy bay Hà Nội - TP Hồ Chí Minh	Vé	2	6.500	13.000	
		Tiền ngủ cho Lãnh đạo Ủy ban	Đêm	6	1.000	6.000	Khoán
		Tiền ngủ thành viên đoàn (6 người x 6 đêm)	Người/đêm	36	350	12.600	Khoán
		Công tác phí (7 người x 7 ngày)	Người/ngày	49	200	9.800	Công lệnh
VII	Vụ Địa phương II					88.800	
		1. Đoàn Quảng Ngãi - Bình Định				48.400	
		Xăng xe (01 xe):	Lít	800	20	16.000	Thanh toán thực tế
		Vé cầu đường và lưu trú xe				1.500	Thanh toán thực tế
		Vé máy bay của Lãnh đạo Ủy ban	Vé	1	9.500	9.500	
		Tiền ngủ cho Lãnh đạo Ủy ban	Đêm	6	1.000	6.000	Khoán
		Tiền ngủ thành viên đoàn (4 người x 6 đêm)	Người/đêm	24	350	8.400	Khoán

		Công tác phí (5 người x 7 ngày)	Người/ngày	35	200	7.000	Công lệnh
		2. Đoàn Gia Lai - Kon Tum				40.400	
		Xăng xe (01 xe):	Lít	400	20	8.000	Thanh toán thực tế
		Vé cầu đường và lưu trú xe				1.500	Thanh toán thực tế
		Vé máy bay của Lãnh đạo Ủy ban	Vé	1	9.500	9.500	
		Tiền ngủ cho Lãnh đạo Ủy ban	Đêm	6	1.000	6.000	Khoán
		Tiền ngủ thành viên đoàn (4 người x 6 đêm)	Người/đêm	24	350	8.400	Khoán
		Công tác phí (5 người x 7 ngày)	Người/ngày	35	200	7.000	Công lệnh
VIII	Vụ Địa phương III					127.800	
		1. Đoàn Sóc Trăng - Cà Mau				45.000	Đã thực hiện theo Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 31/01/2018 của Bộ
		2. Đoàn Trà Vinh - Kiên Giang					
		3. Đoàn Sóc Trăng - Bạc Liêu				42.400	
		Xăng xe (01 xe):	Lít	500	20	10.000	Thanh toán thực tế
		Vé cầu đường và lưu trú xe				1.500	Thanh toán thực tế
		Vé máy bay của Lãnh đạo Ủy ban	Vé	1	9.500	9.500	
		Tiền ngủ cho Lãnh đạo Ủy ban	Đêm	6	1.000	6.000	Khoán
		Tiền ngủ thành viên đoàn (4 người x 6 đêm)	Người/đêm	24	350	8.400	Khoán
		Công tác phí (5 người x 7 ngày)	Người/ngày	35	200	7.000	Công lệnh
		4. Đoàn Đồng Tháp - Hậu Giang				40.400	
		Xăng xe (01 xe):	Lít	400	20	8.000	Thanh toán thực tế
		Vé cầu đường và lưu trú xe				1.500	Thanh toán thực tế
		Vé máy bay của Lãnh đạo Ủy ban	Vé	1	9.500	9.500	
		Tiền ngủ cho Lãnh đạo Ủy ban	Đêm	6	1.000	6.000	Khoán
		Tiền ngủ thành viên đoàn (4 người x 6 đêm)	Người/đêm	24	350	8.400	Khoán
		Công tác phí (5 người x 7 ngày)	Người/ngày	35	200	7.000	Công lệnh
IX	Bộ trưởng, Chủ nhiệm chủ trì	Đoàn Ninh Thuận - Bình Thuận				86.400	
		Xăng xe (01 xe):	Lít	500	20	10.000	Thanh toán thực tế
		Vé cầu đường và lưu trú xe				1.500	Thanh toán thực tế
		Thuê 01 xe ô tô đi công tác	ngày	7	2.500	17.500	
		Vé máy bay của Lãnh đạo Ủy ban	Vé	1	9.500	9.500	
		Vé máy bay Hà Nội - TP Hồ Chí Minh	Vé	3	6.500	19.500	
		Tiền ngủ cho Lãnh đạo Ủy ban	Đêm	6	1.000	6.000	Khoán
		Tiền ngủ thành viên đoàn (6 người x 6 đêm)	Người/đêm	36	350	12.600	Khoán
		Công tác phí (7 người x 7 ngày)	Người/ngày	49	200	9.800	Công lệnh
X	Bộ trưởng, Chủ nhiệm/ Lãnh đạo UB chủ trì	Các đoàn do Lãnh đạo Ủy ban chủ trì công tác tại Hà Giang, Tuyên Quang				115.650	
Tổng cộng:						1.200.000	